

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CP THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI BẮC NINH**  
**NĂM 2018**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát về công ty:**

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ  
NƯỚC THẢI BẮC NINH  
Giấy chứng nhận : Số 2300898204 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc  
ĐKDN Ninh cấp lần đầu ngày 21/10/2015, đăng ký thay đổi  
lần thứ nhất ngày 23/02/2017  
Vốn điều lệ : 44.175.920.000 đồng  
Vốn chủ sở hữu : 53.464.805.019 đồng  
Trụ sở chính : Số 85 đường Âu Cơ, phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh  
Điện thoại : (0222) 385 8211  
Fax : (0222) 385 8008  
Email : thoatnuocbacninh@gmail.com  
Website : Thoatnuocbacninh.vn  
Mã chứng khoán : TBN  
Sàn niêm yết : UpCOM

**Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty cổ phần Thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh tiền thân là Đội Thị chính trực thuộc Phòng Giao thông Xây dựng Nhà đất, UBND thị xã Bắc Ninh, tỉnh Hà Bắc.

Ngày 31/7/1993, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Bắc ký Quyết định số 719/UB về việc thành lập Công ty Quản lý Đô thị Bắc Ninh, trực thuộc UBND thị xã Bắc Ninh, trong đó toàn bộ Đội Thị chính được chuyển về Công ty Quản lý Đô thị Bắc Ninh.

Ngày 11/03/1998, UBND tỉnh Bắc Ninh (được tách từ tỉnh Hà Bắc năm 1996) ký Quyết định số 16/UB đổi tên Công ty Quản lý Đô thị Bắc Ninh thành Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh; chuyển Công ty này từ hoạt động sự nghiệp thành doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích.

Ngày 31/5/2005, Đội Thoát nước gồm 32 CBCNV được tách từ Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh chuyển sang Công ty Cấp thoát nước Bắc Ninh theo Quyết định số 179/QĐ-CT ngày 31/01/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.

Năm 2009, Xí nghiệp Quản lý nước thải thành phố Bắc Ninh được thành lập (từ Đội Thoát nước) theo Quyết định số 485/QĐ-CTN ngày 15/8/2009 của Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh.

Ngày 25/9/2015, UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 372/QĐ-UBND về việc thành lập Công ty TNHH một thành viên Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh trên cơ sở tách Xí nghiệp Quản lý nước thải thành phố Bắc Ninh từ Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh.

Ngày 03/12/2015, UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 500/QĐ-UBND về

việc cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh.

Ngày 24/12/2016, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh.

Ngày 23/02/2017, Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2300898204 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 23/02/2017 với vốn điều lệ là 44.175.920.000 đồng.

Thời điểm được chấp thuận trở thành công ty đại chúng: Ngày 02/06/2017 theo công văn số 3572/UBCK-GSDC ngày 02/06/2017 của UBCKNN.

Hiện tại Công ty đã hoàn thiện hồ sơ hủy công ty đại chúng gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước do không đáp ứng các điều kiện của công ty đại chúng.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của công ty:**

### **❖ Ngành nghề kinh doanh chính:**

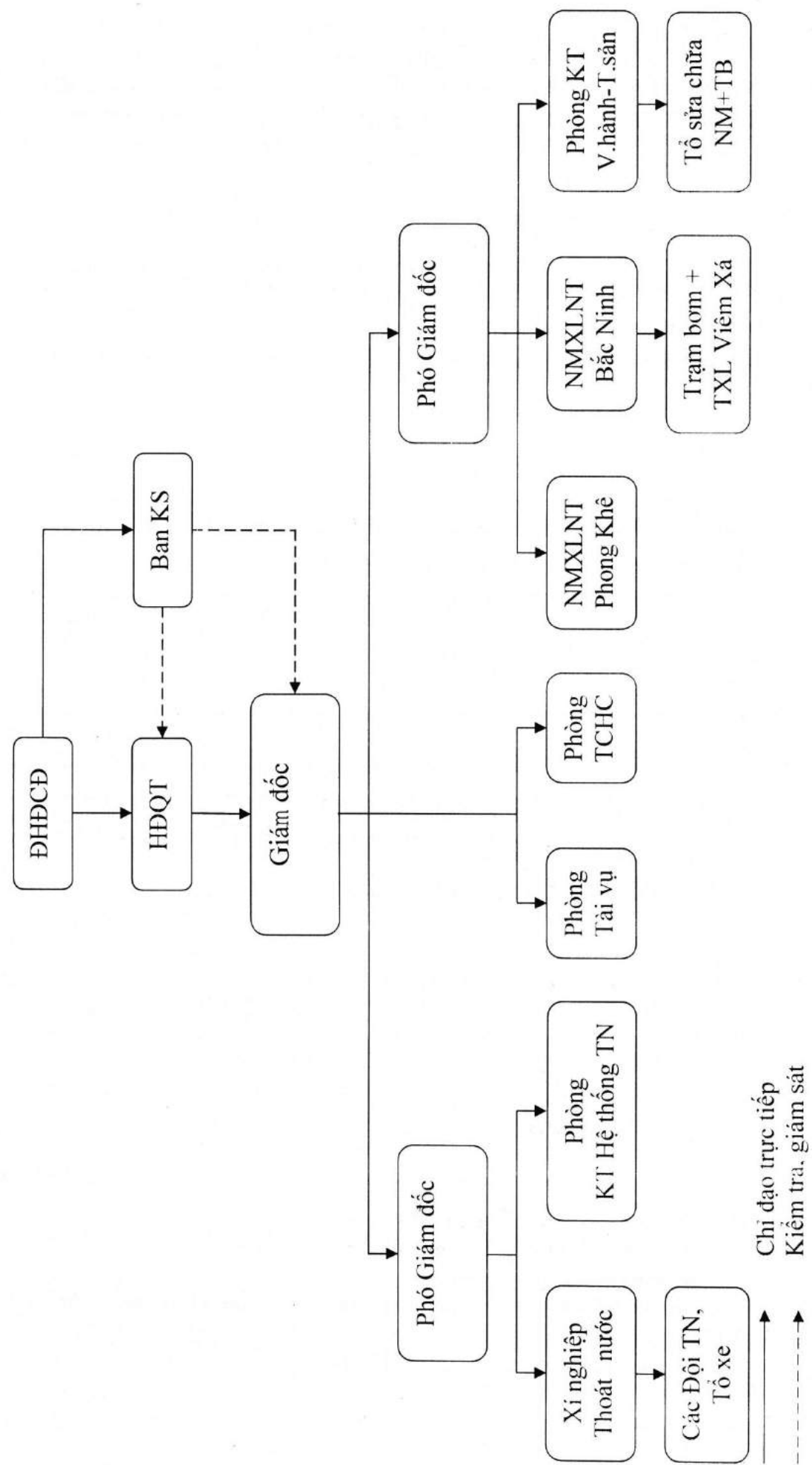
<b>TT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã ngành</b>
1	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đô thị, công nghiệp, nông thôn; hệ thống xử lý rác thải, tái chế chất thải. Quản lý vận hành nhà máy xử lý nước thải.	3700
2	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Quản lý, xử lý phân bùn bể tự hoại các khu, cụm công nghiệp và các hộ gia đình.	3900
3	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước, môi trường.	4220

### **❖ Địa bàn hoạt động kinh doanh chính:**

- Trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và các tỉnh lân cận

## **3. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý của công ty:**

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CP THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI BẮC NINH



Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh được tổ chức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc.

Mô hình quản trị trên đã góp phần nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành; nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo chiến lược, quản lý tài chính, rủi ro, nhân sự và đầu tư.

**Trong đó, nhiệm vụ và vai trò của các cấp là:**

- **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty, có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án sản xuất kinh doanh, quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty cổ phần; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty cổ phần và có các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty.

- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- **Ban Kiểm soát:** Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát hiện có 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- **Ban Giám đốc:** Ban Giám đốc công ty gồm 03 người: Giám đốc và 2 Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Giám đốc: Là người giúp việc cho Giám đốc, điều hành công việc hàng ngày theo sự phân công của Giám đốc.

**4. Định hướng phát triển:**

- Mở rộng ngành nghề kinh doanh phù hợp với điều kiện của công ty, phấn đấu là doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, nâng cao đời sống của người lao động.

- Cải tiến dây chuyền công nghệ/thay đổi phương pháp vận hành, đầu tư thêm trang thiết bị để nâng cao hiệu quả xử lý nước thải tại các nhà máy đang được giao quản lý vận hành và trong tương lai được giao vận hành. Tiết kiệm chi phí quản lý vận hành.

- Từng bước cơ giới hóa công tác duy trì hệ thống thoát nước để tiết kiệm chi phí vận hành, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu rủi ro cho người lao động.

- Phát triển thị trường thoát nước và xử lý nước thải trong công tác đầu tư và quản lý vận hành trước mắt là trong Tỉnh và tương lai là toàn quốc.

- Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh: Cung cấp thêm các dịch vụ về thi công xây dựng và dịch vụ về môi trường.

**5. Các rủi ro:**

❖ **Rủi ro về môi trường:**

- Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, dịch họa, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc

gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ **Rủi ro về nhân sự:**

- Trang thiết bị hiện đại đòi hỏi người lao động phải có trình độ cao, đặt ra nhu cầu phải đào tạo liên tục để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ tiếp cận tiên bộ khoa học kỹ thuật. Bên cạnh đó phải có cơ chế thu hút và giữ chân người tài, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân sự do mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.

❖ **Rủi ro về tài chính:**

- Sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động, Công ty có thể phải huy động thêm các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng, hoặc chiếm dụng vốn từ các đơn vị cung cấp nhằm đảm bảo cho nhu cầu vốn lưu động và nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, do ảnh hưởng của chính sách tiền tệ quốc gia, tình hình lãi suất trong các năm gần đây cũng có nhiều biến động bất thường. Do đó, trong trường hợp lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí hoạt động, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

❖ **Rủi ro về cạnh tranh:**

- Ngành thoát nước và xử lý nước thải có khả năng gia nhập ngành cao, có nhiều đối tượng gia nhập ngành, khiến công ty phải cạnh tranh với nhiều đối thủ mới, đa dạng và phức tạp, đặc biệt là các công ty nước ngoài, các tập đoàn đa quốc gia.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Năm 2018 là năm thứ hai Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Đây là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vì vậy ngay đầu năm Công ty đã tập trung lãnh chỉ đạo để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Công ty năm 2018 đã có những thuận lợi, như: Công ty nhận được sự chỉ đạo thiết thực và sự ủng hộ tạo điều kiện thuận lợi của UBND tỉnh, UBND TP và các ngành cũng như chính quyền các cấp: sự hỗ trợ về kỹ thuật, tài chính của nhà đầu tư chiến lược; cũng như sự thông thoáng của cơ chế chính sách; đặc biệt là sự đoàn kết nhất trí của tập thể người lao động và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty.

Tuy nhiên bên cạnh những thuận lợi đó, trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành và tổ chức sản xuất kinh doanh Công ty cũng gặp không ít những khó khăn nhưng với sự nỗ lực phấn đấu của tất cả các thành viên trong Công ty, năm 2018 Công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu đặt ra, đời sống của người lao động ổn định và được cải thiện, điều kiện làm việc được nâng lên rõ rệt.

❖ **Lĩnh vực Quản lý và vận hành hệ thống thoát nước thành phố Bắc Ninh:**

Hiện nay, Công ty đang quản lý, vận hành và khai thác hệ thống đường ống thoát nước của thành phố với chiều dài tổng cộng khoảng 195,78 km, 7.320 hố ga các loại, gần 3.400m mương cuối nguồn và hồ điều hòa Văn Miếu; quản lý, vận hành Trạm xử lý nước thải Viêm Xá, NMXLNT thành phố Bắc Ninh, 4 trạm bơm nước thải và 3 trạm bơm nước mưa, vận hành thử Nhà máy XLNT Phong Khê theo UBND tỉnh và thành phố giao.

Năm 2018, Công ty đã cơ bản thực hiện theo nội dung hợp đồng quản lý vận hành HTTN đã ký kết với UBND thành phố Bắc Ninh, bao gồm:

- Quản lý vận hành mạng lưới thoát nước: Nạo vét bùn cống các loại 188,58 km và 7.320 hố ga các loại; kiểm tra hơn 161 km đường cống các loại.

- Các trạm bơm nước thải và trạm bơm tiêu nước mưa hoạt động ổn định: Tổng lưu lượng nước thải bơm về nhà máy xử lý nước thải dự kiến đạt 6.162.259 m<sup>3</sup>/năm.

- Nhà máy xử lý nước thải tập trung hoạt động ổn định: Tổng lưu lượng nước được xử lý trong năm 2018 đạt 6.162.259m<sup>3</sup>/năm, công suất xử lý trung bình đạt 16.883m<sup>3</sup>/ngày.đêm (theo hợp đồng đã ký năm 2018 là 16.500 m<sup>3</sup>/ngày.đêm). Chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo theo quy định trong Hợp đồng đã ký kết với UBND thành phố Bắc Ninh.

- Trạm xử lý nước thải Viêm Xá hoạt động ổn định: Tổng lưu lượng nước được xử lý trong năm 2018 đạt: 19.094m<sup>3</sup>/năm, công suất xử lý trung bình đạt 52,3 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (theo hợp đồng đã ký năm 2018 là 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm). Hiệu quả xử lý nước thải cao.

**❖ Lĩnh vực sửa chữa hệ thống thoát nước:**

Công ty đã chủ động phối hợp với UBND thành phố Bắc Ninh và các đơn vị liên quan thực hiện sửa chữa ngay các hư hỏng trên hệ thống thoát nước, đảm bảo mỹ quan đô thị và triển khai đầu nổi bổ sung thêm các tuyến cống phục vụ công tác chống úng ngập cục bộ. Cụ thể là:

- Tiến hành đầu nổi thêm các cống thoát nước tại Cụm di tích chùa Đáp Cầu, Dấu Mã với cống hộp Kinh Dương Vương, thay thế cống D600 bằng cống D800 đường Ngô Tất Tô, thay thế 2DN800 bằng 2DN1250 tại Phong Khê, mở thêm các cửa thu tại cầu cạn Y Na, Niềm Xá, tuyến Hai Bà Trưng, Lê Văn Thịnh, Hồ Ngọc Lân, Rạp Hát... đã góp phần giảm úng ngập cục bộ đáng kể cho các vị trí úng ngập. Cụ thể: Khu vực ngã 4 Cống Ô không còn ngập với lượng mưa khoảng 50mm, Khu vực Hồ Ngọc Lân giảm thời gian úng ngập khoảng 1 giờ, giảm thời gian úng ngập trên tuyến Kinh Dương Vương còn khoảng 30 phút, cầu cạn Yna giảm còn khoảng 30 phút, cầu cạn Niềm Xá còn khoảng 1 giờ,... khi có mưa lớn.

- Sửa chữa hố ga: Cải tạo, thay thế cửa thu nước đứng bằng cửa thu nước nằm. Sửa chữa, cải tạo vỉa hè, bó vỉa, rãnh biên và hố ga.

- Sửa chữa khác: San gạt bãi đỗ bùn, cải tạo nhà điều hành trạm bơm Lạc Long Quân, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị tại các trạm bơm, nhà máy xử lý...

**❖ Lĩnh vực phòng chống úng ngập cục bộ:**

Theo số liệu từ trạm quan trắc đặt tại Công ty, trong năm 2018 diễn ra 63 trận mưa trên địa bàn thành phố, tổng lượng mưa đến thời điểm hiện tại là 1.524,1 mm, trung bình là 24,19 mm/trận, trận mưa lớn nhất là 109,5 mm. Bảng tổng hợp số liệu mưa các năm gần đây:

Năm	Số lượng trận mưa	Tổng lượng mưa năm (mm)	Lượng mưa trung bình (mm)	Trận mưa lớn nhất (mm)
2015	75	1.678,0	22,4	178
2016	85	1.553,6	18,3	104,8
2017	78	1.420,4	18,21	100
2018	63	1.524,1	24,19	109,5

Trong năm 2018, trên địa bàn thành phố có một số điểm úng ngập cục bộ như: Cầu cạn Y Na, Cầu cạn Niềm Xá, Cầu cạn Lạc Long Quân, Phù Đổng Thiên Vương (khi mất điện), Phố Rạp Hát, đường Thiên Đức, Hồ Ngọc Lân giao Lê Hồng Phong, Công trường PTCS Kinh Bắc, Dấu Mã giao Kinh Dương Vương, Đường Kinh Dương Vương, Ngã tư Bắc Sơn - Hoàng Quốc Việt, Cống Ô, chợ Đọ, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Du, Huyền Quang.

Để ứng phó với mùa mưa bão năm 2018, Công ty đã chủ động thực hiện các việc sau:

- Phối hợp với các phòng ban chuyên môn của UBND thành phố lập phương án, thực hiện ngay các hạng mục đầu nổi bổ sung cống tại một số vị trí quan trọng.

- Xây dựng và thực hiện phương án phòng chống úng ngập cục bộ từ đầu năm, các cống tiêu thoát nước cho các điểm úng ngập cục bộ được quan tâm và ưu tiên thực hiện trước trong mùa khô.

- Các mương tiêu, cửa xả thường xuyên được phát quang, nạo vét.

- Đối với 1 số tuyến chưa được bàn giao quản lý vận hành nhưng có ảnh hưởng đến công tác phòng chống úng ngập cục bộ công ty cũng đã chủ động thực hiện việc nạo vét, khơi thông.

- Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng và vận hành các trạm bơm các trạm bơm nước thải và nước mưa, đảm bảo điều kiện hoạt động tốt nhất trước mùa mưa.

- Bố trí nhân lực kiểm tra kịp thời tại các cuối nguồn, cửa xả, các kênh tiêu, hồ lưu nước... và điểm úng ngập cục bộ theo từng tình huống mưa bão xảy ra để đưa giải pháp khắc phục giảm tình trạng úng ngập cục bộ, kể cả ngày lễ, ngày nghỉ.

- Phối hợp với các địa phương và Trường Sĩ quan Chính trị trong việc duy trì hạ thấp mực nước của các hồ trong thành phố.

- Phối hợp với ngành Nông nghiệp, Công ty Bắc Đuống trong việc duy trì mực nước thấp tại các kênh tiêu nông nghiệp và trạm bơm đầu mối thoát ra sông.

❖ **Tình hình thực hiện vận hành chạy thử NMXLNT Phong Khê:**

- Thực hiện vận hành thử Nhà máy XLNT Phong Khê từ ngày 22/3/2017 theo Hợp đồng ký kết với UBND thành phố Bắc Ninh: Công ty đã phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư và nhà thầu thi công vận hành thử nhà máy, Công ty vận hành dưới sự hướng dẫn về kỹ thuật của nhà thầu, với công suất trung bình đạt khoảng 2.000m<sup>3</sup>/ng.đ theo thông báo kết luận số 113/TB-UBND ngày 28/11/2017 của PCT TT UBND tỉnh Bắc Ninh tại buổi làm việc về việc vận hành NMXLNT Phong Khê. Tuy nhiên mặc dù rất cố gắng thực hiện nhưng nhà máy không thể thực hiện được kế hoạch vận hành trên mà chỉ đạt công suất xử lý trung bình 1.055 m<sup>3</sup>/ng.d, lượng nước thải xử lý trong năm 2018 ước đạt 385.138 m<sup>3</sup>. Về chất lượng nước sau xử lý với một số chỉ tiêu chưa đạt tiêu chuẩn như COD, độ màu và tình trạng công suất không đạt được 2.000m<sup>3</sup>/ngđ là do trong quá trình vận hành các thiết bị xảy ra sự cố nhiều (tại thời điểm tiếp nhận vận hành có 76 lỗi, khiếm khuyết, đến ngày 28/12/2018 có tổng số 165 lỗi, khiếm khuyết được các bên ghi nhận và khắc phục).

- Trong quá trình vận hành thử, hàng tháng công ty đã có thông báo về các lỗi sai sót, khiếm khuyết, hỏng hóc của công trình đến UBND thành phố, Ban QLDA xây dựng thành phố và nhà thầu để khắc phục như hợp đồng đã ký kết.

- Hiện nay Ban QLDA xây dựng thành phố và nhà thầu đang hoàn thiện hồ sơ thiết kế bổ sung một số hạng mục cho Nhà máy xử lý nước thải Phong Khê theo chủ trương của Tỉnh để đảm bảo công suất vận hành của nhà máy đạt công suất theo thiết kế và chất lượng nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn.

❖ **Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm hệ thống công trình thoát nước:**

- Công ty đã chủ động kiểm tra, rà soát thường xuyên phát hiện, nhắc nhở kịp thời các trường hợp vi phạm đến mạng lưới thoát nước. Năm 2018, Công ty và cán bộ địa phương tiến hành lập 28 biên bản vi phạm.

- Trong năm Công ty đã giải quyết kịp thời 08 ý kiến phản ánh của khách hàng về các thông tin tình trạng tắc cống mạng cấp 3 và những địa bàn chưa được giao quản lý vận hành.

❖ **Tình hình thực hiện các Dự án:**

- Dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Bắc Ninh: Sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Xây dựng hiện nay Ban QLDA thoát nước và nhà thầu đang thống nhất phương án, cách thức bù giá đối với gói thầu 1 (hệ thống thoát nước).

- Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước TP Bắc Ninh, công trình tuyến công hợp Huyện Quang kéo dài: UBND tỉnh Bắc Ninh đã phê duyệt quyết toán, hiện đã chi trả kinh phí cho nhà thầu.

- Dự án hợp tác với Công ty TNHH Dasung Green Tech (Hàn Quốc) và Viện Khoa học và Kỹ thuật Môi trường - Đại học Xây dựng Hà Nội: Lắp đặt mô hình thí nghiệm xử lý nước thải sử dụng công nghệ Bio-block đã kết thúc từ 28/02/2018.

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### ❖ Danh sách Ban điều hành:

**Giám đốc** : Ông Nguyễn Xuân Quyết  
Năm sinh : 28/3/1979  
Nơi sinh : Bắc Ninh  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cấp thoát nước  
Số lượng cổ phần đại diện : 974.782 Cổ phần, chiếm 22,07%  
sở hữu cho UBND tỉnh Bắc Ninh (Theo Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh)  
Số lượng cổ phần cá nhân : 6.200 Cổ phần, chiếm 0,14%  
sở hữu

### Quá trình công tác:

Từ T01/2004 đến T01/2006 : Cán bộ kỹ thuật Đội Xây lắp tổng hợp III Công ty Cấp thoát nước Bắc Ninh  
Từ T02/2006 đến T7/2006 : Cán bộ kỹ thuật Phòng Quản lý dự án Công ty Cấp thoát nước Bắc Ninh  
Từ T8/2006 đến T6/2010 : Phó trưởng phòng Quản lý dự án Công ty Cấp thoát nước Bắc Ninh  
Từ T9/2008 đến T6/2010 : Phó trưởng phòng Quản lý dự án kiêm Trưởng phòng kỹ thuật Dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Bắc Ninh Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh  
Từ T7/2010 đến T9/2014 : Giám đốc Xí nghiệp Quản lý nước thải thành phố Bắc Ninh, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh  
Từ T10/2014 đến T10/2015 : Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh  
Từ T11/2015 đến T12/2016 : Bí thư Chi bộ, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Thoát nước và Xử lý nước thải BN  
Từ T01/2017 đến nay : Bí thư Chi bộ, Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh

**Phó Giám đốc** : Ông Nguyễn Quang Hiệp  
Năm sinh : 15/4/1966  
Nơi sinh : Bắc Ninh  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư địa chất công trình thủy văn  
Số lượng cổ phần cá nhân : 6.900 Cổ phần, chiếm 0,15% vốn điều lệ  
sở hữu

### Quá trình công tác:

Từ T02/1997 đến T10/2002 : Cán bộ kỹ thuật Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bắc Giang



- Từ T11/2002 đến T3/2005 : Cán bộ kỹ thuật Phòng KHKT, Phòng Quản lý dự án Công ty Cấp thoát nước Bắc Ninh
- Từ T4/2005 đến T8/2008 : Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Quản lý dự án Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh
- Từ T9/2008 đến T10/2015 : Phó trưởng ban QLDA thoát nước và xử lý nước thải thành phố Bắc Ninh, kiêm Giám đốc Ban QLDA cấp nước Chờ và Gia Bình, kiêm Trưởng phòng KHKT Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh
- Từ T11/2015 đến T12/2015 : Phụ trách Phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH MTV Thoát nước và Xử lý nước thải BN
- Từ T12/2015 đến T12/2016 : Phó Bí thư Chi bộ, Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh
- Từ T1/2017 đến nay : Phó bí thư Chi bộ, Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh

**Phó Giám đốc** : **Ông Nguyễn Quang Tiến**

Năm sinh : 08/4/1983

Nơi sinh : Bắc Ninh

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kỹ thuật cơ sở hạ tầng

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 5.800 Cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ

**Quá trình công tác:**

Từ T6/2008 đến T09/2008 : Cán bộ kỹ thuật Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh

Từ T10/2008 đến T04/2009 : CBKT Đội xây lắp số 5 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh

Từ T5/2009 đến T11/2012 : CBKT ban QLDA thoát nước và xử lý nước thải Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh

Từ T12/2012 đến T10/2015 : Phó trưởng phòng KHKT Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh

Từ T11/2015 đến T12/2016 : Phụ trách phòng KHKT, Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Thoát nước và Xử lý nước thải BN

Từ T01/2017 đến nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh

**Kế toán trưởng** : Bà Nguyễn Vũ Thu Hoan

Năm sinh : 05/08/1972

Nơi sinh : Bắc Ninh

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 6.600 Cổ phần, chiếm 0,149% vốn điều lệ

**Quá trình công tác:**

Từ 1999 đến 2001 : Nhân viên phòng Kinh doanh - Công ty cấp thoát nước Bắc Ninh

Từ 2001 đến 2007 : Kế toán Đội Xây lắp - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh

- Từ T5/2008 đến T10/2008 : Kế toán Tổng hợp Phòng Tài vụ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh
- Từ T11/2008 đến T01/2014 : Kế toán các Ban QLDA do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh làm chủ đầu tư
- Từ T2/2014 đến T10/2015 : Kế toán trưởng các Ban QLDA do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh làm chủ đầu tư
- Từ T11/2015 đến T3/2016 : Phó phòng Tài vụ - Công ty TNHH MTV Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh
- Từ T4/2016 đến T12/2016 : Trưởng phòng Tài vụ Công ty TNHH MTV Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh
- Từ T01/2017 đến nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh

❖ **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Không có

❖ **Cơ cấu trình độ lao động:**

Năm 2018, cơ cấu trình độ lao động trong công ty như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng số</b>	<b>126</b>	<b>100</b>
<b>1. Phân theo trình độ lao động</b>		
- Đại học và trên Đại học	38	30,2%
- Cao đẳng và Trung cấp	26	20,6%
- Số lao động đã qua đào tạo tại trường công nhân kỹ thuật, dạy nghề và đào tạo sơ cấp	54	42,8%
- Lao động khác	8	6,4%
<b>2. Phân theo giới tính</b>		
- Nam	97	77%
- Nữ	29	23%

❖ **Những chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động:**

**Chính sách đối với người lao động:**

Tại Công ty cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh nguồn lực con người được xem là yếu tố trọng tâm và từng bước được hoàn thiện công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách lương, thưởng, trợ cấp... cho người lao động luôn được xem xét và giải quyết thỏa đáng, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác.

Công ty cũng đã thực hiện triển khai phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác quy hoạch cán bộ, tuyển dụng cán bộ có trình độ chuyên môn cao, qua đào tạo đảm bảo hội tụ những yêu cầu về trình độ học vấn, năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, khả năng làm việc theo nhóm, làm việc theo quy trình công việc phù hợp với các chức danh cần tuyển, ưu tiên tuyển dụng chuyên gia có trình độ cao trong các lĩnh vực môi trường, cấp thoát nước.

**Chính sách đào tạo:**

Công ty có chính sách đào tạo cán bộ nhân viên hằng năm nhằm đáp ứng với tốc độ phát triển của nền kinh tế và của công ty. Đặc biệt, chú trọng đào tạo cán bộ nhân viên có trình độ cao về kỹ năng quản lý, vận hành thiết bị, đào tạo nhân viên theo từng cấp độ phù hợp với lộ trình phát triển của nhân viên.

Đảm bảo chính sách đãi ngộ cho người lao động công khai, minh bạch, công bằng, chính sách lương, thưởng gắn liền với hiệu quả công việc nhằm tạo động lực để

người lao động sáng tạo trong công việc, gắn bó lâu dài với công ty, nâng cao tinh thần trách nhiệm và tạo tinh thần thi đua học hỏi, không bình quân chủ nghĩa, đa dạng hóa hình thức đãi ngộ và mở rộng đối tượng đãi ngộ liên quan đến người lao động có chuyên môn giỏi, trình độ cao.

#### **Chính sách lương, thưởng:**

Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý. Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người.

Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cho công ty.

Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động: Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, chế độ tiền lương, tiền phép...

Tiền thưởng được thực hiện vào cuối năm. Công ty thưởng cho người lao động theo mức độ hoàn thành công việc của người lao động nhằm khuyến khích người lao động phấn đấu hoàn thành tốt công việc được giao theo chức năng, nhiệm vụ (Tùy vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm, tính chất đặc thù công việc công ty sẽ quyết định cụ thể cho từng bộ phận). Ngoài ra căn cứ vào quỹ tiền thưởng hiện có, công ty sẽ trích thưởng cho người lao động vào các dịp lễ, tết và thưởng đột xuất cho người lao động có những thành tích xuất sắc trong công việc được giao.

### **3. Tình hình tài chính:**

#### **a. Tình hình tài chính:**

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	58.171.784.776	63.110.241.440	8,5%
Doanh thu thuần	35.402.728.191	45.148.677.383	27,5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.100.477.158	10.643.523.471	74,5%
Lợi nhuận khác	-	-	
Lợi nhuận trước thuế	6.100.477.158	10.643.523.471	74,5%
Lợi nhuận sau thuế	4.880.381.726	8.514.818.777	74,5%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	7,27%	7,59 % (dự kiến)	37,5%

#### **b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	5,12	5,44
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	5,06	5,27
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,16	0,15
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,2	0,18
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	42,30	33,79
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,61	0,72
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	13,8	18,86
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	10,04	15,93
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	8,39	13,49
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	17,23	23,57

#### 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

##### a. Cổ phần:

- Tổng số lượng cổ phần: 4.417.592 cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành: 4.373.892 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 43.700 cổ phiếu.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 3.114.377 cổ phần.
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 1.303.215 cổ phần.

##### b. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 11/12/2018:

TT	Loại cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>4.417.592</b>	<b>100</b>
1	Cổ đông lớn (Sở hữu trên 5% cổ phần)	4.045.592	91,6
2	Cổ đông nhỏ (Sở hữu dưới 1% cổ phần)	372.000	8,4
3	Cổ đông là tổ chức	4.089.292	92,6
4	Cổ đông là cá nhân	328.300	7,4
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.417.592</b>	<b>100</b>

##### ❖ Danh sách cổ đông lớn cập nhật ngày 11/12/2018:

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền	Số 31, Tân Canh, Phường 1, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	3.070.810	69,52
2	Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh	Số 10 Phù Đổng Thiên Vương, P.Suối Hoa, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	974.782	22,07
	<b>Tổng cộng</b>		<b>4.045.592</b>	<b>91,59</b>

##### c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

##### d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Trong năm 2018, Công ty không có giao dịch về cổ phiếu quỹ.
- Tổng số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại của công ty: 43.700 cổ phiếu.

##### e. Các chứng khoán khác: Không có

#### 5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

##### 5.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Năm 2018, công tác đảm bảo vật tư - nguyên liệu cũng gặp nhiều khó khăn do biến động giá cả khó lường. Tuy nhiên, bộ phận thu mua đã đảm bảo đủ lượng nguyên liệu phục vụ sản xuất và dự trữ theo kế hoạch; Tham mưu, đề xuất thu mua nguyên liệu với giá cả hợp lý; Sắp xếp việc tiếp nhận nguyên liệu kịp thời, giảm chi phí phát sinh.

##### 5.2. Tiêu thụ năng lượng và nước:

Công ty tích cực nghiên cứu đổi mới, cải tiến trang thiết bị và tìm kiếm các giải pháp tiết kiệm năng lượng và nước phục vụ sản xuất, giảm chi phí và thân thiện với môi trường.

##### 5.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện đầu tư đầy đủ các hệ thống xử lý khí thải, nước thải tại tất cả các đơn vị. Thực hiện quan trắc môi trường mỗi năm 2 lần và lập báo cáo hiện trạng môi trường định kỳ nộp cho các cơ quan quản lý môi trường để kịp thời khắc phục những ảnh

hưởng từ hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo các chỉ tiêu về môi trường đáp ứng các tiêu chuẩn qui định. Đồng thời, Công ty tập trung đầu tư nâng cao cơ sở hạ tầng và cải tiến công nghệ nhằm hạn chế và giảm tác động tiêu cực tới môi trường, bảo vệ môi trường một cách bền vững.

#### **5.4. Chính sách liên quan đến người lao động:**

##### **a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:**

Năm 2018, số lượng lao động Công ty là 126 người. Công ty đảm bảo mức thu nhập bình quân cho người lao động là 8,225 triệu đồng/người/tháng; 100% người lao động được ký hợp đồng lao động, áp dụng đúng thời gian thử việc theo quy định.

##### **b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

- Tuân thủ đúng các qui định của pháp luật lao động và nội qui lao động, thỏa ước lao động tập thể về thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi; ngày làm việc 8 giờ; nghỉ giữa ca...

- Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ nghỉ ngơi như: nghỉ tuần, nghỉ lễ, nghỉ phép... Việc chấm công được ghi chép đầy đủ.

- Thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động như thăm hỏi, thanh toán các chế độ ốm đau, thai sản... thực hiện tốt chế độ BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm thân thể cho người lao động theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước; làm tốt công tác BHLĐ, vệ sinh lao động, ký kết và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV-LĐ...

- Tổ chức thăm hỏi CBCNV-LĐ lúc ốm đau, thai sản, đám hiếu, hỷ của bản thân người lao động và tứ thân phụ mẫu; tặng quà cho cán bộ nữ CNVC-LĐ nhân dịp 8/3; tặng quà cho các cháu là con cán bộ công nhân viên công ty có thành tích học tập tốt, ngày Quốc tế thiếu nhi và Tết Trung thu...

- Luôn tạo điều kiện cho NLD được tham gia ý kiến, quyết định những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của NLD như chính sách tiền lương, nội quy lao động, nội quy PCCC, nội quy ra vào cơ quan.

- Luôn chú trọng đến chất lượng công tác xây dựng và ký kết TULĐTT với chính sách ưu đãi thu hút nhân tài, lao động có tay nghề cao, tạo sự gắn bó giữa người lao động với doanh nghiệp. Duy trì việc ký kết TULĐTT, thường xuyên bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với chính sách mới của Nhà nước liên quan đến quyền và lợi ích của NLD.

##### **c. Hoạt động đào tạo người lao động:**

- Đối với công nhân lao động trực tiếp: Thực hiện công tác đào tạo tại chỗ và phối hợp với các đối tác của công ty tổ chức các khóa đào tạo đảm bảo công nhân đạt kỹ năng thuần thực công việc tại vị trí đảm nhận.

- Đối với cán bộ, nhân viên gián tiếp: Đào tạo về chuyên môn, kỹ năng mềm...; Phối hợp với các đối tác của công ty tổ chức các buổi đào tạo về kỹ thuật nhằm nâng cao kỹ năng và trình độ chuyên môn.

- Đối với cán bộ quản lý, kỹ thuật: Thường xuyên được cử đi đào tạo, tập huấn tại các cơ sở đào tạo.

- Các đối tượng khác, tùy theo đặc thù công việc, công ty tổ chức các khóa đào tạo tại đơn vị hoặc cử cán bộ theo học.

#### **5.5. Trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**

Trong năm 2018, công ty luôn chủ động, tích cực thực hiện tốt trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương thông qua các chương trình như:

- Vận động toàn thể CBCNV tham gia ủng hộ “quỹ mái ấm công đoàn”, “quỹ hỗ trợ người nghèo” của địa phương, quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai...

- Hỗ trợ các khu dân cư nạo vét mạng lưới cống cấp 3...

Kết quả hoạt động thực tế cho thấy, việc hỗ trợ cộng đồng không chỉ là sợi dây liên kết giữa doanh nghiệp với người sử dụng sản phẩm về mặt tinh thần mà nó còn mang lại lợi ích kinh tế không nhỏ do việc tin tưởng vào sản phẩm và uy tín của Công ty, và chính họ là những người mở rộng thêm những mối quan hệ mới cho công ty.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

##### ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2018 là năm thứ hai Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Đây là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vì vậy ngay đầu năm Công ty đã tập trung lãnh chi đạo để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Công ty năm 2018 đã có những thuận lợi, như: Công ty nhận được sự chỉ đạo thiết thực và sự ủng hộ tạo điều kiện thuận lợi của UBND tỉnh, UBND TP và các ngành cũng như chính quyền các cấp; sự hỗ trợ về kỹ thuật, tài chính của nhà đầu tư chiến lược; cũng như sự thông thoáng của cơ chế chính sách; đặc biệt là sự đoàn kết nhất trí của tập thể người lao động và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty.

Tuy nhiên bên cạnh những thuận lợi đó, trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành và tổ chức sản xuất kinh doanh Công ty cũng gặp không ít những khó khăn nhưng với sự nỗ lực phấn đấu của tất cả các thành viên trong Công ty, năm 2018 Công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu đặt ra, đời sống của người lao động ổn định và được cải thiện, điều kiện làm việc được nâng lên rõ rệt...

##### ❖ Những tiến bộ công ty đã đạt được năm 2018:

Trong năm 2018 Công ty đã đưa vào áp dụng một số sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh góp phần giảm chi phí sản xuất, giảm công sức người lao động, tiết kiệm thời gian và cải thiện chất lượng nước xử lý.

#### 2. Tình hình tài chính:

##### ❖ Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Chênh lệch
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>52.282.788.181</b>	<b>48.689.369.090</b>	<b>3.593.419.091</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	366.400.129	1.330.923.637	(964.523.508)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	46.000.000.000	39.000.000.000	7.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.458.989.194	7.697.986.336	(3.238.997.142)
Hàng tồn kho	1.323.070.338	581.076.064	741.994.274
Tài sản ngắn hạn khác	134.328.520	79.383.053	54.945.467
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>10.827.453.259</b>	<b>9.482.415.686</b>	<b>1.345.037.573</b>
Tài sản cố định	10.408.056.602	8.897.965.030	1.510.091.572
Tài sản dài hạn khác	419.396.657	584.450.656	(165.053.999)
<b>Tổng tài sản</b>	<b>63.110.241.440</b>	<b>58.171.784.776</b>	<b>4.938.456.664</b>

Tổng cộng tài sản của Công ty tính đến ngày 31/12/2018 là 63.110.241.440 đồng, tăng 8,5% so với năm 2017. Tài sản ngắn hạn chiếm 82,8% trên tổng tài sản năm 2018. Tài sản dài hạn chiếm 17,2% trên tổng tài sản năm 2018. Trong đó tốc độ gia tăng tài sản ngắn hạn nhanh hơn tốc độ gia tăng tài sản dài hạn.

##### ❖ Tình hình nguồn vốn:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Chênh lệch
<b>Nợ phải trả</b>	<b>9.645.436.421</b>	<b>9.552.483.050</b>	92.953.371
Nợ ngắn hạn	9.602.436.421	9.509.483.050	92.953.371
Nợ dài hạn	43.000.000	43.000.000	0
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>53.464.805.019</b>	<b>48.619.301.726</b>	4.845.503.293
Vốn chủ sở hữu	53.464.805.019	48.619.301.726	4.845.503.293
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>63.110.241.440</b>	<b>58.171.784.776</b>	<b>4.938.456.664</b>

Tương ứng với sự gia tăng của tài sản là sự gia tăng của nguồn vốn. Tổng nguồn vốn cuối năm 2018 tăng 4.938.456.664 đồng tương ứng mức tăng 8,5% so với năm 2017. Trong kết cấu nguồn vốn, nợ phải trả chiếm tỷ lệ 15,3% trên tổng nguồn vốn, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lệ 84,7% trên tổng nguồn vốn năm 2018.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Thực hiện tái cấu trúc và thành lập một số đơn vị trực thuộc nhằm mở rộng mô hình kinh doanh gồm: Phòng Kỹ thuật Mạng lưới thoát nước, Phòng Kỹ thuật Vận hành tài sản, Xí nghiệp Thoát nước.

### 4. Kế hoạch kinh doanh năm 2019:

Từng bước mở rộng ngành nghề kinh doanh phù hợp với điều kiện của công ty, phần đầu là doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả. Đảm bảo việc làm ổn định, thường xuyên, thực hiện đầy đủ các chế độ của người lao động trong doanh nghiệp. Hoàn thiện toàn bộ các quy định, quy chế nội bộ. Nâng cao công tác quản trị nhân lực, kiện toàn xong toàn bộ chức danh công việc, quy trình tác nghiệp, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện nội quy lao động, nâng cao hiệu quả làm việc.

#### Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính năm 2019:

TT	Các chỉ tiêu chính	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	49.800
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	6.810
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	5.448
4	Thu nhập BQ của người lao động	Tr.đ	8.450

### 5. Trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

#### a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Công ty luôn luôn thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, không ngừng nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất góp phần bảo vệ môi trường ngày càng tốt hơn.

#### b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Nhận thức được vai trò của con người đối với doanh nghiệp, Ban Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, đảm bảo những quyền và lợi ích của người lao động theo đúng đường lối của Đảng chính sách pháp luật của Nhà nước nhằm tạo môi trường làm việc thuận lợi nhất cho người lao động yên tâm công tác.

#### c. Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty rất coi trọng và quan tâm xây dựng mối quan hệ mật thiết với các cộng đồng chủ chốt bằng các hình thức như ủng hộ xây dựng các công trình phúc lợi, đền ơn đáp nghĩa, tạo công ăn việc làm cho người dân, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động từ thiện và bảo vệ môi trường tại địa phương.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

Năm 2018 là năm thứ hai Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Đây là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vì vậy ngay đầu năm Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung lãnh chỉ đạo để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Công ty năm 2018 đã có những thuận lợi, như: Công ty nhận được sự chỉ đạo thiết thực và sự ủng hộ tạo điều kiện thuận lợi của UBND tỉnh, UBND TP và các ngành cũng như chính quyền các cấp; sự hỗ trợ về kỹ thuật, tài chính của nhà đầu tư chiến lược; cũng như sự thông thoáng của cơ chế chính sách; đặc biệt là sự đoàn kết nhất trí của tập thể người lao động và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty. Năm 2018 Công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu đặt ra, đời sống của người lao động ổn định và được cải thiện, điều kiện làm việc được nâng lên rõ rệt, các quyền lợi của cổ đông được đảm bảo.

### **❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty:**

Nhận thức bảo vệ môi trường là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, tất cả các nhà máy sản xuất, đơn vị của công ty đều được đầu tư hệ thống xử lý môi trường hiện đại, tuân thủ đúng các tiêu chuẩn về môi trường theo qui định hiện hành. Công ty luôn đảm bảo việc phát triển kinh doanh gắn liền với việc đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Công ty đã thực hiện đúng các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương.

### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:**

#### **a. Hoạt động của Ban Giám đốc:**

- Ban Giám đốc có 03 thành viên gồm: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc được phân công phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

- Trong năm qua, Ban Giám đốc đã có những chính sách, biện pháp sát với tình hình thực tế, chỉ đạo, điều hành xuyên suốt các phòng ban và đơn vị trực thuộc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

#### **b. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:**

HĐQT công ty định hướng chỉ đạo, theo dõi và giám sát đối với việc quản lý, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc công ty thông qua:

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò định hướng, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD, hoạt động đầu tư của Công ty, kịp thời đưa ra các biện pháp hiệu quả, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng pháp luật, đảm bảo thực hiện tốt các kế hoạch, nhiệm vụ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát của mình.

- Thông báo đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đến các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua.

#### **c. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

- Ban Giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. Ban Giám đốc đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHĐCĐ quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong việc



thực hiện quản lý, điều hành công ty và các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

- Trong năm qua, Ban Giám đốc đã không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, xây dựng cơ chế chính sách phù hợp với tình hình thực tế của công ty, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý.

### **3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Từng bước mở rộng ngành nghề kinh doanh phù hợp với điều kiện của công ty, phấn đấu là doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả. Đảm bảo việc làm ổn định, thường xuyên, thực hiện đầy đủ các chế độ của người lao động trong doanh nghiệp. Nâng cao công tác quản trị nhân lực, kiện toàn xong toàn bộ chức danh công việc, quy trình tác nghiệp, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện nội quy lao động, nâng cao hiệu quả làm việc.

- Hoàn thiện đề xuất với Tỉnh, Thành phố về giải pháp mở rộng, nâng cao hiệu quả hệ thống thu gom, nhà máy xử lý nước thải nhằm tăng khả năng thu gom nước thải nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao hiệu quả hoạt động (công suất, chất lượng, xử lý bùn bể phốt) của công trình xử lý nước thải hiện có. Thực hiện tốt công tác phòng chống úng ngập cục bộ khu vực nội thị.

- Hoàn thiện cơ bản hồ sơ để quyết toán hoàn thành dự án thoát nước và XLNT Bắc Ninh.

- Vận hành ổn định hệ thống thoát nước và các nhà máy Bắc Ninh theo hợp đồng đã ký kết. Thực hiện tốt công tác thu tiền và vận hành nhà máy Phong Khê.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị:**

#### **a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Số cổ phần sở hữu (Chốt ngày 11/12/2018)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1	Ông Trần Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Ông Nguyễn Xuân Quyết	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	6.200	0,14
3	Ông Nguyễn Quang Hiệp	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	6.900	0,15
4	Ông Nguyễn Phương Quý	Thành viên HĐQT, độc lập không điều hành	0	0
5	Ông Lê Xuân Kháng	Thành viên HĐQT, độc lập không điều hành	0	0

#### **b. Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị:**

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách từng lĩnh vực cụ thể.

#### **c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Năm 2018 các phiên họp của Hội đồng quản trị được duy trì đều đặn và đúng Điều lệ, Quy chế quản trị công ty. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế của Công ty, diễn biến của thị trường, kịp thời đưa ra các giải pháp hiệu quả, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng pháp luật, điều hành công ty vượt qua khó khăn, thách thức.

#### **d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:**

Các thành viên HĐQT độc lập, không điều hành đã thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, tham gia đầy đủ các phiên họp và các hoạt động của HĐQT, phát huy vai trò phân biện đối với các thành viên HĐQT khác và Ban điều hành.

## 2. Ban kiểm soát:

### a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu (Chốt ngày 11/12/2018)	Tỷ lệ (%)
1	Bà Phạm Thị Thu Hương	Trưởng BKS	0	0
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Lê	Thành viên BKS	0	0
3	Ông Trần Mạnh Thường	Thành viên BKS	7.500	0,17

### b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

#### ❖ Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và bộ máy điều hành:

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo quy định của Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của HĐQT. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm là phù hợp với quy định pháp luật và công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

HĐQT đã ban hành nhiều Nghị quyết và quyết định liên quan đến hoạt động của công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoàn toàn tuân thủ Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

Công ty thực hiện công tác báo cáo và công bố thông tin đúng quy định.

#### ❖ Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành:

HĐQT đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho BKS, Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty khi có yêu cầu.

#### ❖ Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019:

- Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng nhiệm vụ quy định theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm soát tăng cường kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty.
- Giám sát hoạt động quản lý điều hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

### a. Tiền lương và thù lao của HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2018 (Chưa trừ thuế TNCN và BHXH, BHYT, BHTN):

#### ❖ Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương (VNĐ)	Tiền thù lao (VNĐ)
1	Ông Trần Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT	-	64.800.000
2	Ông Nguyễn Xuân Quyết	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	350.000.000	36.000.000
3	Ông Nguyễn Quang Hiệp	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	266.000.000	36.000.000
4	Ông Nguyễn Phương Quý	TV HĐQT, độc lập không điều hành	-	36.000.000

5	Ông Lê Xuân Kháng	TV HĐQT, độc lập không điều hành	-	36.000.000
6	Ông Nguyễn Quang Tiến	Phó Giám đốc	266.000.000	-
7	Bà Nguyễn Vũ Thu Hoan	Kế toán trưởng	266.000.000	-

❖ **Ban kiểm soát:**

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương (VNĐ)	Thù lao (VNĐ)
1	Bà Phạm Thị Thu Hương	Trưởng BKS	-	55.200.000
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Lê	Thành viên BKS	-	27.720.000
3	Ông Trần Mạnh Thường	Thành viên BKS	133.000.000	27.720.000

**b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có

**c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có

**d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

- Công ty thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các quy định về quản trị công ty theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty đã ban hành.

- Tuân thủ các quy định tại Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Để đảm bảo tính minh bạch và quyền lợi với tất cả các cổ đông và nhà đầu tư, Công ty luôn rà soát và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ giúp Ban lãnh đạo Công ty quản lý chuẩn mực và hiệu quả.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến của kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2018:** (Kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018).

## CÔNG TY CỔ PHẦN THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI BẮC NINH

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Xuân Quyết

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc



---

**CÔNG TY CỔ PHẦN THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI BẮC NINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

---

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax consulting
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 16

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Công ty Cổ phần Thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị:**

Ông Trần Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Phương Quý	Thành viên HĐQT
Ông Lê Xuân Kháng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Quyết	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Hiệp	Thành viên HĐQT

**Ban Giám đốc:**

Ông Nguyễn Xuân Quyết	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Tiến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hiệp	Phó Giám đốc

**Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Quyết.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



---

**Nguyễn Xuân Quyết**

**Giám đốc**

*Bắc Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019*

Số: 046 /VACO/BCKT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05 tháng 03 năm 2019 từ trang 04 đến trang 16, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Đức Tiến**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
0517-2018-156-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, Ngày 05 tháng 03 năm 2019



**Phạm Xuân Sơn**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
1450-2018-156-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>52.282.788.181</b>	<b>48.689.369.090</b>
<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>366.400.129</b>	<b>1.330.923.637</b>
1. Tiền	111		366.400.129	330.923.637
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>46.000.000.000</b>	<b>39.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	46.000.000.000	39.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.458.989.194</b>	<b>7.697.986.336</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.318.306.189	6.145.686.071
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	79.807.900	1.404.900.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		60.875.105	147.400.265
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>1.323.070.338</b>	<b>581.076.064</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.323.070.338	581.076.064
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>134.328.520</b>	<b>79.383.053</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		134.328.520	79.383.053
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.827.453.259</b>	<b>9.482.415.686</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.408.056.602</b>	<b>8.897.965.030</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	9.601.750.375	8.043.759.423
- Nguyên giá	222		13.556.365.813	10.323.857.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.954.615.438)	(2.280.097.827)
2. Tài sản cố định vô hình	227		806.306.227	854.205.607
- Nguyên giá	228		957.987.597	957.987.597
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(151.681.370)	(103.781.990)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>419.396.657</b>	<b>584.450.656</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		419.396.657	584.450.656
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>63.110.241.440</b>	<b>58.171.784.776</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>9.645.436.421</b>	<b>9.552.483.050</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.602.436.421</b>	<b>9.509.483.050</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	1.270.667.868	1.151.176.514
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		285.701	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	4.601.684.834	2.818.216.750
4. Phải trả người lao động	314		3.026.989.041	4.791.349.572
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		334.186.267	510.435.066
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		262.584.509	230.172.947
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		106.038.201	8.132.201
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>43.000.000</b>	<b>43.000.000</b>
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		43.000.000	43.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>53.464.805.019</b>	<b>48.619.301.726</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>53.464.805.019</b>	<b>48.619.301.726</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		44.175.920.000	44.175.920.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		44.175.920.000	44.175.920.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(437.000.000)	(437.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.190.392.000	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.535.493.019	4.880.381.726
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		20.674.242	4.880.381.726
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.514.818.777	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>63.110.241.440</b>	<b>58.171.784.776</b>



**Nguyễn Xuân Quyết**  
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

**Nguyễn Vũ Thu Hoan**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Vũ Thu Hoan**  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018*

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	45.148.677.383	35.402.728.191
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		45.148.677.383	35.402.728.191
3. Giá vốn hàng bán	11	14	32.168.532.205	25.648.128.374
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.980.145.178	9.754.599.817
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	1.958.227.533	1.227.507.076
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	4.294.849.240	4.881.629.735
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>10.643.523.471</b>	<b>6.100.477.158</b>
8. Thu nhập khác	31		-	-
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.643.523.471	6.100.477.158
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	2.128.704.694	1.220.095.432
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		8.514.818.777	4.880.381.726
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	1.947	1.110



Nguyễn Xuân Quyết  
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Vũ Thu Hoan  
Kế toán trưởng

Nguyễn Vũ Thu Hoan  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01	51.491.210.717	28.539.946.270
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(16.898.253.368)	(13.213.773.536)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.056.059.803)	(9.631.660.112)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.160.003.005)	(117.447.874)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.492.320.087	1.646.773.040
6. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(7.379.637.622)	(4.090.760.397)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>10.489.577.006</b>	<b>3.133.077.391</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.232.508.563)	(1.224.507.947)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(92.300.000.000)	(113.568.278.028)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	85.300.000.000	74.568.278.028
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.958.227.533	1.227.507.076
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(8.274.281.030)</b>	<b>(38.997.000.871)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(437.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.179.819.484)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.179.819.484)</b>	<b>(437.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)</b>	<b>50</b>	<b>(964.523.508)</b>	<b>(36.300.923.480)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.330.923.637</b>	<b>37.631.847.117</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>366.400.129</b>	<b>1.330.923.637</b>



Nguyễn Xuân Quyết  
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Vũ Thu Hoan  
Kế toán trưởng

Nguyễn Vũ Thu Hoan  
Người lập biểu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh được tách từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh và thành lập theo Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 25/09/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh; Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300898204 ngày 21 tháng 10 năm 2015.

Bắt đầu từ ngày 23/02/2017, Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu sang mô hình Công ty Cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần số 2300898204 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 23/02/2017.

Vốn điều lệ của Công ty là: 44.175.920.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2018 là 128 người (tại ngày 31/12/2017 là 125 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đô thị, công nghiệp, nông thôn; Hệ thống xử lý rác thải, tái chế chất thải. Quản lý vận hành nhà máy xử lý nước thải; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác.

Trụ sở chính của Công ty: Đường Âu Cơ, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### **2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### **Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại các thuyết minh số 17;
- d) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b và c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10

#### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm xe ô tô. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

#### Nợ phải trả

Nợ phải thu là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

#### Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các thành viên góp vốn.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	24.429.322	60.115.079
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	341.970.807	270.808.558
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
	<b>366.400.129</b>	<b>1.330.923.637</b>

#### 5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<b>4.318.306.189</b>	<b>6.145.686.071</b>
UBND Thành phố Bắc Ninh	3.424.658.555	3.508.451.820
Đối tượng khác	893.647.634	2.637.234.251

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<b>79.807.900</b>	<b>1.404.900.000</b>
Công ty CP Ô tô An Thái CONECO	-	1.389.600.000
Các đối tượng khác	79.807.900	15.300.000
	<b>79.807.900</b>	<b>1.404.900.000</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	616.178.160	-	357.997.188	-
Công cụ, dụng cụ	78.429.000	-	7.528.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	628.463.178	-	215.550.876	-
<b>Cộng</b>	<b>1.323.070.338</b>	<b>-</b>	<b>581.076.064</b>	<b>-</b>

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Đơn vị: VND
				Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	6.012.584.844	89.879.027	4.221.393.379	10.323.857.250
Mua trong năm	74.326.745	-	3.158.181.818	3.232.508.563
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.086.911.589</b>	<b>89.879.027</b>	<b>7.379.575.197</b>	<b>13.556.365.813</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>				
Số dư đầu năm	1.082.452.551	55.137.096	1.142.508.180	2.280.097.827
Khấu hao trong kỳ	514.263.644	10.794.394	1.149.459.573	1.674.517.611
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.596.716.195</b>	<b>65.931.490</b>	<b>2.291.967.753</b>	<b>3.954.615.438</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu năm	4.930.132.293	34.741.931	3.078.885.199	8.043.759.423
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.490.195.394</b>	<b>23.947.537</b>	<b>5.087.607.444</b>	<b>9.601.750.375</b>

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng là 33.927.273 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.270.667.868</b>	<b>1.270.667.868</b>	<b>1.151.176.514</b>	<b>1.151.176.514</b>
Công ty TNHH Hóa chất Thanh Bình	164.956.000	164.956.000	218.515.000	218.515.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hải Viện	217.995.993	217.995.993	374.066.000	374.066.000
Công ty TNHH Khánh Hưng Bắc Ninh	81.078.800	81.078.800	131.078.800	131.078.800
Công ty TNHH DV Vận tải Thương mại Bảo Sơn	179.520.000	179.520.000	-	-
Các đối tượng khác	627.117.075	627.117.075	427.516.714	427.516.714

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.687.844.368	986.946.190	843.987.329	1.830.803.229
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.110.003.005	2.128.704.694	1.160.003.005	2.078.704.694
Thuế thu nhập cá nhân	20.369.377	239.883.661	181.650.887	78.602.151
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	818.099.680	204.524.920	613.574.760
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>2.818.216.750</b>	<b>4.176.634.225</b>	<b>2.393.166.141</b>	<b>4.601.684.834</b>

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Đơn vị: VND
				Lợi nhuận chưa phân phối
<b>Số dư tại 23/02/2017</b>	<b>44.175.920.000</b>	-	<b>172.000.000</b>	<b>18.918.152</b>
Mua trong năm		(437.000.000)	-	-
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	4.880.381.726
Tặng/(giảm) khác	-	-	(172.000.000)	(18.918.152)
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>44.175.920.000</b>	<b>(437.000.000)</b>	-	<b>4.880.381.726</b>
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	8.514.818.777
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	1.190.392.000	(4.540.267.484)
Tặng/(giảm) khác (ii)	-	-	-	(319.440.000)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>44.175.920.000</b>	<b>(437.000.000)</b>	<b>1.190.392.000</b>	<b>8.535.493.019</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

Ghi chú:

(i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2018 của Đại Hội Đồng Cổ đông, theo đó:

- Trích quỹ đầu tư phát triển : 1.190.392.000 VND.
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi : 170.056.000 VND
- Chia cổ tức : 3.179.819.484 VND.

Cổ tức đã trả trong năm là: 3.179.819.484 VND.

(ii) Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2018	
	VND	(%)
Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền	30.708.100.000	69,51
UBND tỉnh Bắc Ninh	9.747.820.000	22,07
Các cổ đông khác	3.720.000.000	8,42
	<b>44.175.920.000</b>	<b>100</b>

**13. DOANH THU THUẬN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2018	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.148.677.383	35.402.728.191
	<b>45.148.677.383</b>	<b>35.402.728.191</b>

**14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2018	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	32.168.532.205	25.648.128.374
	<b>32.168.532.205</b>	<b>25.648.128.374</b>

**15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2018	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.533.775.960	4.926.134.668
Chi phí nhân công	18.889.664.106	16.718.316.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.722.416.991	1.153.212.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.452.664.599	4.902.802.388
Chi phí khác bằng tiền	1.277.772.091	2.253.097.796
	<b>36.876.293.747</b>	<b>29.953.564.066</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.958.227.533	1.227.507.076
	<b>1.958.227.533</b>	<b>1.227.507.076</b>

**17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	2.085.397.528	2.690.700.260
Chi phí đồ dùng văn phòng	366.282.875	307.036.607
Chi phí khấu hao TSCĐ	684.611.238	625.070.323
Thuế, phí và lệ phí	537.083.750	513.435.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	271.119.265	346.398.657
Các khoản chi phí QLDN khác	350.354.584	398.988.822
	<b>4.294.849.240</b>	<b>4.881.629.735</b>

**18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	10.643.523.471	6.100.477.158
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.643.523.471	6.100.477.158
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	<i>10.643.523.471</i>	<i>6.100.477.158</i>
<i>Thuế suất thông thường thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>2.128.704.694</b>	<b>1.220.095.432</b>

**19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2018	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.514.818.777	4.880.381.726
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	4.373.892	4.396.798
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.947	1.110
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	100.000	100.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

**Giao dịch với các bên liên quan**

**Thu nhập của Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc**

	Năm 2018	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc	880.542.000	678.069.000

**21. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 23/02/2017 (ngày chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần) đến ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.



Nguyễn Xuân Quyết  
Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Vũ Thu Hoan  
Kế toán trưởng

Nguyễn Vũ Thu Hoan  
Người lập biểu